

Bản án số: **06/2021/DS-ST**

Ngày 03 tháng 02 năm 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà và ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tới – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Trọng T**, sinh năm: 1982 và bà **Nguyễn Thị Hoài T1**. Sinh năm: 1982. Cùng địa chỉ: Số 58 HTT, phường HX, quận CL, thành phố ĐN. Ông Nguyễn Trọng T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hoài T1 theo Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Công Minh, số công chứng 3900 ngày 06.10.2020 (*Bà T1 có mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh T2**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm: 1980. Cùng địa chỉ: K83/3 Trưng Nữ Vương, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (*Ông T2 vắng mặt không có lý do; Bà Y hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2020, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2020, Bản tự khai ngày 08 tháng 9 năm 2020, Biên bản hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Hoài T1 trình bày:

Vào ngày 03.3.2020, vợ, chồng bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Minh T2 vay số tiền 590.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số vào sổ

công chứng: 1420 tại Văn Phòng Công chứng Nguyễn Hải Sâm, thành phố Đà Nẵng. Về thời hạn trả nợ: Theo Hợp đồng đã ký thì thời hạn trong vòng 01 tháng, vợ chồng bà Y, ông T2 phải có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền nêu trên. Lãi suất: các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, sau một tháng từ ngày giao tiền tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm (ngày 03.3.2020), bà Yến, ông T2 không thanh toán như đã thỏa thuận. Sau đó, vợ chồng bà T1, ông T có liên lạc yêu cầu bà Yến, ông T2 phải trả nhưng bà Y thì hứa hẹn nhiều lần còn ông T2 đều không liên lạc được. Nay bà T1, ông T yêu cầu Tòa án án buộc bà Y và ông T2 phải trả số tiền nợ là 590.000.000đ (Năm trăm chín mươi triệu đồng). Bà T1, ông T không yêu cầu Th lãi.

* Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2020, Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Hoài T1 và ông Nguyễn Trọng T về thời gian và nội dung Hợp đồng vay tiền mà các bên đã ký kết. Bà Y cũng thừa nhận bà và chồng bà là ông Nguyễn Minh T2 có vay của bà T1, ông T số tiền 590.000.000 đồng vào ngày 03.3.2020. Theo Hợp đồng có thỏa thuận, bà và ông T2 phải trả số tiền trên cho bà T1, ông T trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày công chứng Hợp đồng. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà không trả đúng như thời hạn cam kết. Hiện nay, bà Y đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng nên không có khả năng trả nợ, chồng bà là ông Nguyễn Minh T2 hiện nay ở đâu bà cũng không rõ. Do vậy, đối với phương án trả nợ cho vợ chồng bà T1, ông T thì bà sẽ liên lạc và bàn bạc với người nhà để tìm cách trả toàn bộ số tiền 590.000.000 đồng đã vay của bà T1, ông T.

Cùng ngày 15 tháng 12 năm 2020, bà Y cũng giao nộp Đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do hiện nay bà đang bị tạm giam. Chồng bà là ông Nguyễn Minh T2 bỏ đi đâu không rõ nên bà không thể ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng tại Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1, ông T thì bà đồng ý trả số tiền 590.000.000 đồng cho bà T1, ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T2 vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung có tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ thủ tục trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 590.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu Th lãi suất nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện

kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã cấp, tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Minh T2 và bà Nguyễn Thị Y (theo địa chỉ: Số K83/3 Trưng Nữ Vương, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng) nhưng không được. Qua xác minh tại địa phương ngày 05.10.2020 thể hiện, ông Nguyễn Minh T2 và bà Nguyễn Thị Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này nhưng tại thời điểm xác minh ông T2 không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ; Bà Nguyễn Thị Y bị Công an thành phố Đà Nẵng bắt tạm giam vì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho ông T2 đến Tòa án và Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng (nơi bà Y đang bị tạm giam) để lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án đã đăng tin thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân thành phố Đà Nẵng, Báo Nhân Dân và phát sóng trên Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng (VTV8) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp theo Thông báo số 146/2020/TB-TA ngày 07.10.2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, bị đơn – ông Nguyễn Minh T2 đều vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Minh T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; bà Nguyễn Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T1, ông Nguyễn Trọng T và bị đơn là bà Nguyễn Thị Yến, ông Nguyễn Minh T2 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T1, ông Nguyễn Trọng T yêu cầu bà Nguyễn Thị Yến, ông Nguyễn Minh T2 phải trả số tiền là 590.000.000 đồng, không yêu cầu Th lãi suất do bà Yến, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 1420 được công chứng ngày 03.3.2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hải Sâm.

Về phía bị đơn – Bà Nguyễn Thị Yến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Y thừa nhận bà và chồng bà là ông Nguyễn Minh T2 có ký kết Hợp đồng vay tiền với vợ chồng bà T1, ông T được công chứng số 1420 vào ngày 03.3.2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hải Sâm. Theo nội dung Hợp đồng vay tiền nêu trên, vợ

chồng bà có vay của bà T1, ông T số tiền 590.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng được công chứng, lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định của Nhà nước. Sau khi nhận tiền cho đến nay, vì kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà chưa trả cho bà T1, ông T một khoản tiền nào. Nay bà T1, ông T khởi kiện yêu cầu bà và ông Nguyễn Minh T2 phải trả số tiền 590.000.000 đồng thì bà đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay bà đang bị tạm giam trên Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng nên không có khả năng trả số tiền nợ nêu trên, về phía chồng bà là ông Nguyễn Minh T2 hiện nay ở đâu bà cũng không rõ. Về phương án trả nợ cho bà T1, ông T thì bà sẽ liên lạc và bàn bạc với người nhà để tìm cách trả toàn bộ số tiền 590.000.000 đồng đã vay cho bà T1, ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng vay tiền số công chứng 1420 được công chứng ngày 03.3.2020 xác định giữa các bên đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản với tổng số tiền là 590.000.000 đồng. Trong Hợp đồng vay tiền này các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng được công chứng và các bên giao, nhận tiền; lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định của Nhà nước. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất do các bên tự nguyện giao kết, không vi phạm các quy định của pháp luật nên được bảo vệ và đảm bảo thực hiện. Theo đó, các bên tham gia giao dịch phải có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng.

Sau khi ký Hợp đồng và nhận tiền cho đến nay, ông T2, bà Y chưa trả khoản tiền nào cho bà T1, ông T. Bà T1, ông T đã thông báo và trực tiếp đến nhà bà Yên, ông T2 để yêu cầu bà Yên, ông T2 trả tiền nhiều lần nhưng bà Yên, ông T2 trốn tránh không gặp và vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ nêu trên. Như vậy, bà Yên, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 463, Điều 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T1 và ông Nguyễn Trọng T, buộc bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Minh T2 phải có nghĩa vụ trả số tiền 590.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hoài T1 và ông Nguyễn Trọng T là có căn cứ.

Nguyên đơn không yêu cầu Th lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

- Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Minh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 27.600.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoài T1 và ông Nguyễn Trọng T số tiền tạm ứng án phí là 13.800.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 9265 ngày 06.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Chi phí đăng thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: Báo Nhân Dân là 1.800.000 đồng (đã nộp theo Hóa đơn GTGT số 0001127 ngày 14.10.2020), Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng là 2.079.000đ (đã nộp theo Hóa đơn GTGT số 0002951 ngày 13.10.2020) bà Nguyễn Thị Hoài T1 và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện chịu, đã nộp đủ và chi phí xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Nguyễn Thị Hoài T1, ông Nguyễn Trọng T đối với ông Nguyễn Minh T2, bà Nguyễn Thị Yến.

Xử:

- Buộc ông Nguyễn Minh T2, bà Nguyễn Thị Y phải trả cho bà Nguyễn Thị Hoài T1, ông Nguyễn Trọng T số tiền 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Minh T2, bà Nguyễn Thị Y phải chịu 27.600.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hoài T1 và ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T1, ông T số tiền tạm ứng án phí là 13.800.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 9265 ngày 06.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Chi phí đăng thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: Báo Nhân Dân là 1.800.000 đồng (đã nộp theo Hóa đơn GTGT số 0001127 ngày 14.10.2020), Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng là 2.079.000đ (đã nộp theo Hóa đơn GTGT số 0002951 ngày 13.10.2020) bà Nguyễn Thị Hoài T1 và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện chịu, đã nộp đủ và chi phí xong.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Thông